

## ***Phong Lê và một số vấn đề lịch sử văn học Việt Nam hiện đại***

### ***1***

*PGS.TS. Đào Tuấn Ảnh*

*Phòng Văn học So sánh*

Viết về Phong Lê khó, bởi tôi không cùng chuyên môn với anh, mà tôi lại muốn viết về anh không chỉ ở phương diện tính cách, con người (về Viện Văn sau anh nhiều năm, song tôi và anh cùng thuộc “dân bản địa” biết nhau đã nhiều, hiểu nhau cũng lắm), mà chủ yếu viết về anh với tư cách một trong những chuyên gia đầu ngành về văn học Việt Nam hiện đại trong thời điểm hiện tại.

Viết về Phong Lê tôi có ý thức thông qua một trong những đại diện của giới nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại thấy được cuộc hành trình xuyên suốt thế kỉ của nó với những nhọc nhằn tìm kiếm, những thành công và những hạn chế không tránh khỏi.

Viết về Phong Lê tôi đồng thời muốn nhấn mạnh đóng góp của anh xung quanh việc xây dựng Lịch sử văn học với tư cách một bộ môn khoa học, đặc biệt từ sau thời kì Đổi mới.

Đọc những công trình của Phong Lê rất dễ nắm bắt ý đồ học thuật của anh, bởi nó thường được trình bày khái quát rõ ràng ngay từ *Lời nói đầu*. Trong *Lời nói đầu* cuốn *Văn học Việt Nam hiện đại - lịch sử và lí luận* (Nxb Khoa học xã hội, 2003) Phong Lê xác định nội dung phương pháp, cách thức tiếp cận đối tượng nghiên cứu – văn học Việt Nam hiện đại, đó là “khảo sát đối tượng trên bình diện thể loại, qua các giai đoạn lịch sử, gắn với sự nhận diện gương mặt các tác gia tiêu biểu cho mỗi khu vực, mỗi thời kì; sự miêu tả lịch sử về đối tượng gắn với việc đề xuất các vấn đề lí luận”<sup>(1)</sup>. Định hướng học thuật này đã manh nha

ngay từ trong chuyên đề và tiểu luận đầu tiên của anh: *Mấy vấn đề văn xuôi Việt Nam 1945-1975* (Nxb Khoa học xã hội, 1972) và *Văn và người* (Nxb Văn học, 1976). Sự song hành “chuyên luận” – “tiểu luận – phê bình” này kéo dài cho tới tận hôm nay<sup>(2)</sup>, sau gần 50 năm, và tôi có cảm giác sự giao nhau giữa chúng, chính xác hơn, sự kết hợp của chúng, sẽ cho ra bộ *Lịch sử văn học Việt Nam hiện đại* - nỗi khát khao dẫn vật, món “nợ đời” mà Phong Lê phải trả, là cái đích để anh hướng tới. Có cảm giác bất cứ thời điểm nào vào lúc này anh cũng có thể làm cho hai đường thẳng song song này cắt nhau và trình làng bộ *Lịch sử*, song điều đó vẫn chưa xảy ra<sup>(3)</sup>, bởi những cuốn sách trong tương lai gần mà anh cho biết vẫn là “cặp bài trùng – chuyên luận *Hiện đại hoá và Đổi mới văn học Việt Nam thế kỉ XX*<sup>(4)</sup> và tiểu luận – phê bình *Đến với tiến trình văn học Việt Nam hiện đại*<sup>(5)</sup>”? Sự cần cứ này, theo tôi, có thể xuất phát từ chỗ Phong Lê, với tư cách một chuyên gia, ý thức được rằng thời điểm chín muồi cho bộ *Lịch sử* như mong muốn chưa tới, rằng để xây dựng *Lịch sử văn học* như một khoa học, đòi hỏi khảo sát sâu hơn nữa đối tượng nghiên cứu – văn học Việt Nam hiện đại, trên tất cả các khu vực, nắm được yêu cầu lịch sử cơ bản của mỗi chặng đường trong tiến trình một thế kỉ phát triển của nó và những tìm tòi nghệ thuật đáp ứng những yêu cầu đó, soi rọi chúng dưới ánh sáng lí luận và phương pháp luận hiện đại,ặng tìm ra những quy luật tương đồng với quy luật phát triển văn học thế giới và những đặc trưng dân tộc của nền văn học này. Đối với anh, cũng như hầu hết các nhà nghiên cứu cùng thời, một thời gian dài là môn đệ trung thành của phê bình mác-xít, tiếp cận đối tượng theo quan điểm xã hội học thuần túy, thì sự thay đổi cách nhìn và tiếp nhận những phương pháp, lí luận mới, quả là điều không mấy dễ dàng. Anh đã vượt được chính mình. Vẫn trên cơ sở định hướng nghiên cứu nêu trên, vẫn tuân thủ phương pháp luận mà anh đã chọn và

có lẽ sẽ theo đến trọn đời, song trong những công trình gần đây, Phong Lê đã tạo một khoảng cách cần thiết đủ để nhìn nhận đối tượng một cách khách quan ở những phương vị khác nhau và triển khai nghiên cứu bằng cách thức tổng hợp và đa dạng hơn, trên một nền tri thức lịch sử - văn hoá - xã hội rộng mở hơn. Từng bước một, rốt ráo, song kiên nhẫn và chắc chắn anh đang tiến tới mục đích khoa học chính của đời mình: xây dựng bộ Lịch sử.

Bước ngoặt quan trọng trong nghiên cứu của Phong Lê diễn ra ngay từ những năm đầu Đổi mới. Điều này khiến không chỉ người ngoài mà chính anh cũng cảm thấy ngỡ ngàng. Trong cuốn *Văn học Việt Nam hiện đại - lịch sử và lí luận*, Phong Lê chân thành thổ lộ: “Năm 1987, và nói đúng hơn, từ năm 1990, với khởi đầu là công trình *Văn học và hiện thực* (Nxb Khoa học xã hội, 1990) là một giai đoạn mới trong công việc nghiên cứu của tôi – sau 30 năm sống và viết trong một bối cảnh, một quán tính quen thuộc - tương cứ thế, và không có gì thay đổi. Thế rồi, gần như một phép lạ... Những năm 90 thế kỉ XX, trong đó hơn một nửa thời gian làm công tác quản lí, là những năm tôi được gọi trong một bầu không khí của sự nghiệp Đổi Mới - những năm kích thích rất nhiều cho những suy ngẫm, tìm tòi, qua nhiều hội thảo và công trình, để nửa sau 90 khi được thôi công việc quản lí, tôi có điều kiện dồn toàn tâm sức cho viết và đọc”<sup>(6)</sup>. Với anh, người trong cuộc, có thể đó là phép lạ, và, “phép lạ” này có được là nhờ ở công cuộc Đổi mới (đại đa số người Việt chúng ta, mỗi khi có sự thay đổi gì trong cuộc sống thường đồ cho khách quan, nếu mất thì tại số mệnh, nếu được thì là nhờ “công lao” của những lực lượng siêu hình và siêu nhiên). Trên thực tế, công cuộc Đổi mới - kết quả của sự nỗ lực toàn dân tộc, trong đó có sự đóng góp đáng kể của giới trí thức, chỉ là “cú huých giải phóng năng lượng”, là cơ hội để những gì từng e dè ấp ủ trong anh có được chỗ đứng đích thực dưới ánh mặt trời để mà đơm hoa

kết trái. Quá trình thay đổi về chất trong nghiên cứu của Phong Lê, theo tôi, xuất phát từ chính bản thân anh. Nếu không đau đầu với đời, không sống chết vì nghiệp, không đủ tư chất nhà nghiên cứu, thì Đổi mới cũng chỉ là cơn gió thoảng qua trên mặt nước hồ phẳng lặng mà thôi. Những thay đổi diễn ra trong sự nghiệp của Phong Lê không mấy khó hiểu, bởi anh không chỉ được “gội trong bầu không khí của Đổi mới”, mà trước tiên, và điều này quan trọng hơn, anh có may mắn ngay từ lúc khởi nghiệp đã được gội trong bầu không khí học thuật của Viện Văn học thời Đặng Thai Mai, Hoài Thanh và những chuyên gia - những nhân cách lớn khác. Một người say mê văn tài Nam Cao, kính trọng sự uyên bác hàn lâm của họ Đặng, ngưỡng mộ Hoài Thanh với *Thi nhân Việt Nam* và coi họ là bậc thầy của mình, một người cảm phục Vũ Ngọc Phan, có ý thức học hỏi những bậc đàn anh tài năng như Cao Huy Đình<sup>(7)</sup>, người đó sớm muộn cũng sẽ thoát khỏi hành lang chật hẹp của chủ nghĩa công lợi trong nghiên cứu vốn coi văn học chỉ là “đỉnh ốc nhỏ”, là công cụ giáo dục và tuyên truyền, tiến dần tới những giá trị thẩm mỹ đích thực, coi “văn học phải là văn học”.

Những người thầy, những bậc đàn anh ấy không chỉ cung cấp cho Phong Lê tri thức chuyên môn, phương pháp nghiên cứu, mà còn là những tấm gương, qua đó đã hình thành trong anh những phẩm chất quan trọng của nhà nghiên cứu, đó là tinh thần dân chủ, sự cởi mở, thực sự cầu thị trong chuyên môn. Thiếu tư chất này hẳn anh đã không thể đón nhận Đổi mới và đứng vào hàng ngũ của những người tiên phong của phong trào này, và tất nhiên không thể cho ra được những công trình quan trọng từ sau 1995 cho tới nay.

Chỉ cần đọc cuốn *Văn học Việt Nam hiện đại – lịch sử và lí luận* ta cũng nhận thấy rõ điều này. Cuốn sách xuất bản năm 2003, tức hơn một thập niên sau Đổi mới, có 2 phần chính<sup>(8)</sup>. Phần I gồm cụm bài về đề tài văn học Việt Nam hiện đại viết vào những năm 1970 và bài tổng quan dài hơi: *Văn xuôi Việt Nam trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa* viết năm 1980 kết thúc cái thời kì mà anh gọi là “chặng đường học tập, tìm tòi, thể nghiệm”. Phần II bắt đầu bằng công trình *Văn học và hiện thực* viết năm 1990 mang tính bước ngoặt nêu trên và kết thúc bằng *Văn học Việt Nam trên hành trình của thế kỉ XX* - tập hợp những bài viết từ năm 1991 tới 1997 – giai đoạn chín muồi của Phong Lê với tư cách nhà nghiên cứu. Với cấu trúc cuốn sách như vậy tác giả dường như không có ý định che giấu những cực đoan, thậm chí ấu trĩ trong một số những nhận định chủ quan một thời của mình về một số vấn đề lí luận và văn học sử. Có cảm giác anh chủ tâm cho người đọc thấy anh không “phủ nhận sạch trơn” những gì từng tâm huyết, mà làm việc theo cách: những gì chưa đúng thì nhìn nhận lại, những gì sơ lược thì làm sâu sắc hơn, chưa đủ thì bổ sung thêm và... nghĩ tiếp! (ít nhất có hai công trình, một do anh chủ trì (về Nam Cao), một của cá nhân, mang tiêu đề “nghĩ tiếp”). Đồng thời, với cấu trúc sách như vậy Phong Lê đã tạo điều kiện cho người đọc có được sự so sánh dễ dàng hai giai đoạn nghiên cứu, trước và sau Đổi mới, để thấy được sự đổi mới trong tư duy, sự trưởng thành không chỉ bản thân anh.

Đặc điểm nổi bật của nghiên cứu giai đoạn đầu của Phong Lê đó là sự hướng tâm triệt để cộng với “siêu diễn ngôn”. Nó làm ta liên hệ tới chủ nghĩa cấu trúc hiểu một cách đơn giản nhất. Tuy nhiên, khác với “trung tâm” theo chế định của chủ nghĩa cấu trúc, thường mang tính nội tại, “trung tâm” mà phê bình, nghiên cứu Phong Lê hướng tới mang tính ngoại biên, nằm ngoài văn học<sup>(9)</sup>. Trung tâm này chi phối toàn bộ sự nhìn nhận, đánh giá hai bộ

phần chính của đối tượng nghiên cứu: văn học nửa đầu thế kỉ XX và văn học 1945-1975 và những lí giải về các vấn đề cốt yếu của lí luận văn học, trong đó nổi bật là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Trong tổng quan *Văn xuôi Việt Nam trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa* (1980), ở phần “dẫn luận”, văn học giai đoạn 1930-1945 (văn học công khai) được đề cập lướt qua với mục đích làm nổi bật tính ưu việt của văn học Cách mạng và nhằm khẳng định những nguyên tắc mới - hiện thực xã hội chủ nghĩa trong sáng tác của các giai đoạn tiếp sau. Định tính văn học công khai thời kì này, dựa vào luận điểm của Mác và Ăngghen trong *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, Phong Lê viết: “Chính sách văn hoá của bọn đế quốc đối với thuộc địa, nhằm tạo một thế giới “theo hình ảnh của mình” chỉ nhằm phát triển các mặt tiêu cực, phản động cho phù hợp với mục tiêu nô dịch của chúng. Do vậy vào những năm 20 và 30, nếu văn học Việt Nam, trong phần chính thống của nó, có chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, thì sự tiếp thu ấy, trên cơ sở ý đồ thực dân, cũng chỉ là một sự cưỡng ép nhằm sao chép y nguyên bộ mặt của văn hoá chính quốc, với các dạng của chủ nghĩa lãng mạn tiêu cực, chủ nghĩa tự nhiên và các thứ chủ nghĩa suy đồi khác mà thôi. Nói cách khác, đó là bộ phận có khả năng phục vụ đắc lực nhất cho kiến trúc thượng tầng của chế độ thuộc địa”<sup>(10)</sup>. Nhận định này có phần cực đoan, nhưng nó cần thiết để đặt trong thế đối lập một bộ phận không nhỏ trong văn học công khai 1930-1945 với văn học Cách mạng cùng thời, nhằm phủ nhận cái trước, khẳng định, đề cao cái sau, chứng minh tính ưu việt vượt trội của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học. Và cái lôgic thực dụng: cái gì không cần cho ta, cái ấy xấu, hoặc cái cần là cái tốt, gần như xuyên suốt những nhận định tiếp theo: từ nhận định vấn đề lí luận chung như chức năng văn học, phản ánh

hiện thực, tới những vấn đề cụ thể như đề tài, mô hình nhân vật – con người mới, thuyết phi bi kịch, chủ nghĩa lạc quan... trong văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thứ lôgic này không chỉ riêng của Phong Lê, nó là lôgic của một thời, cái thời xem “văn học như một phương tiện”, “một bánh xe”, “một đỉnh ốc” trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản<sup>(11)</sup>.

Đọc Phong Lê ở phần I công trình này người ta có cảm giác bị cuốn tuột theo dòng thác ngôn từ của những nhận định liên tiếp, những nhận định có thể bắt gặp ở bất cứ ở đâu: đài, báo, ti vi, trên các cuộc họp, các cuộc tranh luận, trong trường học, trên các giảng đường, trong bài viết và các công trình... Từ cái dòng thác ngôn từ này hình thành “siêu diễn ngôn” - một thứ “vô thức lịch sử”, trong đó “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt” liên hệ với nhau theo một kiểu thức nhất định, lặp đi lặp lại, khiến “chưa đọc đã hiểu”. Thứ “siêu diễn ngôn” có mặt khắp mọi nơi này nhập vào văn Phong Lê thời kì đầu khiến có cảm giác nó “cứ phăng phăng” (nhận xét của Trịnh Bá Đĩnh). Khoa học là sự tìm tòi, vật lộn khổ ải để tiếp cận chân lí, thế nên ngôn ngữ biểu hiện nó thường là thứ ngôn ngữ đả đọa, cân nhắc. Ngôn ngữ một thời “phăng phăng”, bởi chân lí đã có sẵn, lại dường như bất biến, vĩnh hằng, chỉ cần minh họa... là đủ.